



# 2021 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**  
VIETNAM RUBBER GROUP  
THUAN AN WOOD PROCESSING JOINT STOCK COMPANY



**Văn phòng**  
Số 10 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
Số 10 Nguyễn Văn Linh, Tân Phú, Quận 7, TP. HCM  
**Office**  
No. 10 Nguyen Van Linh Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City  
No. 10 Nguyen Van Linh, Tan Phu, District 7, HCMC



Xuất khẩu các mặt hàng gỗ gia dụng từ nguyên liệu rừng trồng (cao su, tràm, thông...)  
To produce and export all kinds of wood furniture, with the raw material of artificial forests.

[www.tac.com.vn](http://www.tac.com.vn)

## CẢI TIẾN – TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## MỤC LỤC

I THÔNG TIN CHUNG .....	4
1/ Thông tin khái quát .....	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	6
4. Định hướng phát triển. ....	7
5. Các rủi ro: .....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. ....	8
2. Tổ chức và nhân Sự:.....	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án; .....	12
4. Tình hình tài chính .....	12
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	15
6.1. Tác động lên môi trường: .....	15
6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	16
6.3. Tiêu thụ năng lượng: .....	16
6.4. Tiêu thụ nước:.....	17
6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	17
6.6. Chính sách liên quan đến người lao động. ....	17
6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. ....	20
6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.....	20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:.....	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. ....	22
2. Tình hình tài chính. ....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): .....	25
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	25
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	26
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	26
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	27
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

---

1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban Kiểm soát;.....	34
3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.....	35
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:.....	36
1. Ý kiến kiểm toán.....	36

U. P.  
T. T.



## I THÔNG TIN CHUNG

### 1/ Thông tin khái quát

Tên Giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700403867

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 104.000.000.000 đồng

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718031- 0274 3718030

Số fax: 0274 3718026

Website: www.gothuanan.vn

Mã cổ phiếu: GTA

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tiền thân là doanh nghiệp cổ phần 100% vốn Nhà nước do 10 doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam) góp vốn thành lập từ tháng 01 năm 2002. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000035 ngày 24 tháng 12 năm 2001, có trụ sở đặt tại Đại lộ Bình Dương – Phường Thuận Giao – thành phố Thuận An – Tỉnh Bình Dương.

Vị trí Công ty đặt tại trung tâm các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km, cách thành phố Thủ Dầu Một 7 km.

Diện tích mặt bằng trụ sở Công ty đặt tại thành phố Thuận An - Tỉnh Bình Dương là: 29.877 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng sản xuất là: 14.547 m<sup>2</sup> (chiếm 49% tổng diện tích), đường giao thông nội bộ, sân bãi là: 11.376,5 m<sup>2</sup> (chiếm 38% tổng diện tích), sân vườn cây xanh là 3.963,5 m<sup>2</sup> (chiếm 13% tổng diện tích).

Tháng 04 năm 2005, thực hiện theo quyết định số 193/QĐ-KHĐT ngày 02 tháng 03 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bán 49% cổ phiếu của các cổ đông sáng lập ra thị trường cho các nhà đầu tư khác.

Tháng 01 năm 2006, công ty đã phát hành thêm 4,4 triệu cổ phiếu để đầu tư dự án xây dựng nhà máy tại Xã Minh Hưng – Huyện Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, nâng vốn điều lệ của công ty lên mức 84,0775 tỷ đồng.

Diện tích mặt bằng chi nhánh của Công ty đặt tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước – Giai đoạn 1) là: 195.000 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng là 27.080 m<sup>2</sup>.

Ngày 23 tháng 07 năm 2007, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An chính thức niêm yết 8.407.750 Cổ phiếu lên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán GTA và GTA đã trở thành cổ phiếu đầu tiên trong năm 2007 niêm yết và



giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và cũng là cổ phiếu đầu tiên áp dụng quy định mới về giá chào sàn.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 200/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần chế biến gỗ Thuận An với số lượng 1.992.250 cổ phiếu nhằm huy động vốn đầu tư tiếp nhà máy Bình Phước, nâng tổng vốn điều lệ lên thành 104 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177 đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Ngày 26/06/2008 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cao su Chur Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

Từ 24/03/2011 đến 24/06/2011, Công ty đã tiến hành mua lại 300.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 7.892 đồng/CP, tương đương 2.367.661.471 đồng. Tính đến 31/12/2020 tổng số cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại là 570.000 cổ phiếu.

Tính đến 31/12/2014, thực hiện theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, 8 cổ đông sáng lập thuộc các Công ty cao su trong ngành đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

Như vậy, cơ cấu cổ đông đến nay chỉ còn 2 cổ đông sáng lập là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, chiếm 59,7% vốn điều lệ của Công ty CP chế biến gỗ Thuận An.

Các sự kiện khác:

Trải qua 20 năm hoạt động và phát triển không ngừng Công ty CP chế biến gỗ Thuận An ngày càng khẳng định được vị trí trong ngành chế biến và xuất khẩu gỗ và được công nhận là một trong 100 doanh nghiệp bền vững trong năm qua.

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành:

- Hội đồng Quản trị công ty có 05 người, gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên Hội đồng quản trị (tất cả là không chuyên trách);

- Ban Tổng Giám đốc công ty có 02 người, gồm: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc;

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

Khai thác và sơ chế gỗ; Cưa xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại;

Hoạt động kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà xưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

### - Địa bàn kinh doanh:

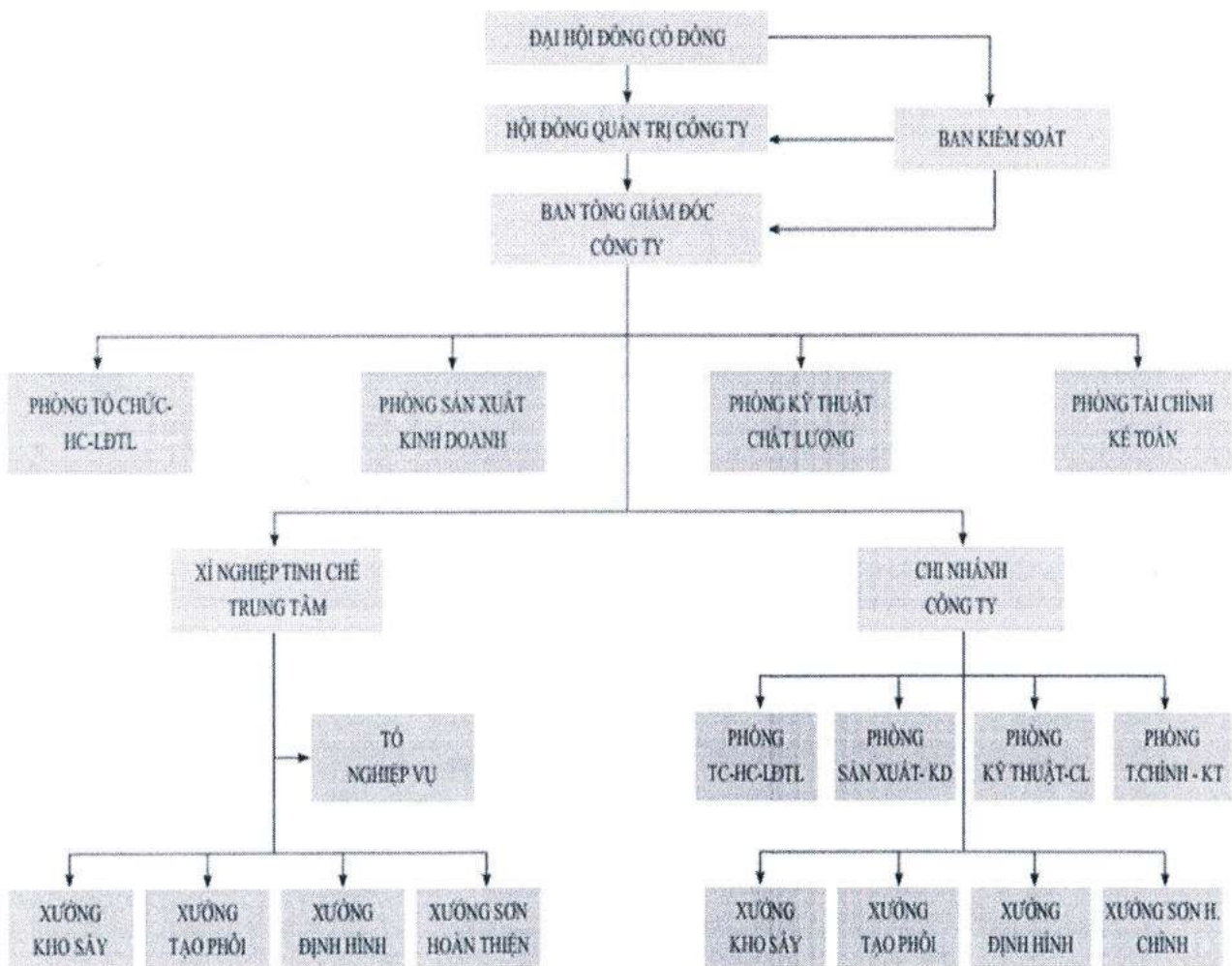
Trong năm 2020 Công ty tập trung sản xuất những mặt hàng trong nhà với những sản phẩm yêu cầu kỹ thuật tinh tế và có giá trị kinh tế cao. Thị trường xuất khẩu trong năm 2020 chủ yếu vẫn là: Châu Âu, Hoa Kỳ, Australia

Các sản phẩm của Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước chiếm 90%(cao su và trà) cho nên có thể chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế việc tăng chi phí từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, song song với việc duy trì và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu truyền thống. Công ty đang nỗ lực hiện đại hoá công tác tổ chức quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tạo thế mạnh cho việc cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước trong khu vực.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### - Mô hình quản trị :



#### Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.



Ban Kiểm soát: có 03 thành viên do đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của đại hội đồng cổ đông.

Tổng Giám đốc công ty; giám đốc chi nhánh;

Các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng;

Bộ máy giúp việc bao gồm các phòng chức năng, các nhà máy.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Bộ máy giúp việc có 4 phòng nghiệp vụ: Phòng Tổ chức Hành chính-LĐTL, Phòng Sản xuất Kinh doanh, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kỹ thuật Chất lượng.

Các đơn vị trực thuộc: Công ty có hai đơn vị trực thuộc:

+ 01 Chi nhánh Công ty tại Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

+ 01 Xí nghiệp Tinh chế Trung tâm, cùng địa chỉ văn phòng công ty, tại TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có công ty con, công ty liên kết

#### **4. Định hướng phát triển.**

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền người lao động nâng cao ý thức phòng chống dịch covid-19, tuân thủ quy tắc 5K nhằm thích ứng an toàn và thực hiện tốt mục tiêu kép.

- Quản lý chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và sản xuất sạch hơn, quản lý nguồn nhân lực, an toàn vệ sinh lao động.

- Tìm kiếm thêm nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu để có giá tốt, quản lý tốt định mức tiêu hao nguyên vật liệu và tiết kiệm chi phí, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, để giảm giá thành sản phẩm, cung cấp đồng bộ kịp thời cho nhu cầu sản xuất;

- Thực hiện tốt công tác ANQP, TTATXH và bảo vệ trong đơn vị. Tiếp tục duy trì các phong trào thi đua lao động sản xuất – đảm bảo thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động;

- Thường xuyên tổ chức đối thoại để nắm rõ và kịp thời tâm tư của người lao động nhằm có biện pháp ổn định tâm lý giúp người lao động yên tâm sản xuất; Khuyến khích người lao động tích cực tham gia cải tiến, sáng kiến trong sản xuất.

- Tuyển lao động tại 2 nhà máy, ổn định nguồn lao động, chăm lo, đảm bảo đời sống người lao động nhằm gắn kết tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo cho mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

- Giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng tiềm năng, không ngừng cải tiến về mọi mặt, giữ uy tín và niềm tin với khách hàng.

- Quan tâm các công tác thiết kế sản phẩm, sản xuất các sản phẩm mẫu do chính công ty tự thiết kế, chủ động tìm kiếm khách hàng, đơn hàng có giá trị kinh tế cao.

- Sắp xếp, cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý tại hai nhà máy để tăng năng suất, tăng doanh thu chung của công ty.



- Xây dựng chiến lược thương mại điện tử tạo các kênh mua sắm online theo đó dòng sản phẩm lắp ráp đơn giản, gọn nhẹ phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC-COC. Kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của dự án Score với đề tài nghiên cứu “Sản xuất tinh gọn”, “Loại bỏ lãng phí trong ngành gỗ” và chương trình 5S của Nhật bản, nhằm tạo môi trường làm việc tốt để giữ chân người lao động, đảm bảo nguồn lực thực hiện đơn hàng đúng tiến độ.

- Tiếp tục duy trì và thực hiện là Doanh nghiệp phát triển bền vững về thực hiện chỉ tiêu ở ba lĩnh vực Kinh tế – Xã hội – Môi trường.

## **5. Các rủi ro:**

- Về đơn hàng: Số lượng đơn hàng giảm sút do ảnh hưởng dịch, người tiêu dùng chỉ tập trung cho nhu cầu thiết yếu và thiết bị y tế, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm gỗ trên thị trường bị giảm mạnh.

- Về công nợ phải thu: Do ảnh hưởng covid-19, khách hàng khó khăn về tài chính ảnh hưởng tới thời gian thanh toán.

- Về thị trường: Cạnh tranh từ các công ty trong nước về giá, mẫu mã sản phẩm nên công ty phải tìm thêm thị trường.

- Về lao động: Lao động nhiễm covid-19 phải nghỉ để điều trị và cách ly dẫn đến không đảm bảo lao động trong dây chuyền sản xuất. Các đơn vị cùng ngành tại địa bàn Bình Dương đưa ra chính sách thu hút lao động có tay nghề thông qua cơ chế thu nhập. Công ty gặp khó khăn trong việc cân đối giữa lợi ích của cổ đông và tăng thu nhập để giữ chân lao động.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh, thời gian ngừng sản xuất kéo dài, HĐQT Công ty đã gửi công văn trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xin điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021, xét theo tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của công ty nên Tập đoàn đã duyệt thỏa thuận kế hoạch điều chỉnh. Trên cơ sở thỏa thuận điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 Tập đoàn duyệt, Chủ tịch HĐQT công ty đã ký quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 theo nội dung chủ sở hữu (Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) đã duyệt và sẽ thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021 ban đầu	Kế hoạch 2021 điều chỉnh	Thực hiện 2021	% so với KH ban đầu	% so với KH điều chỉnh	% so với năm 2020
<b>II</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr đồng	<b>593.610</b>	<b>530.429</b>	<b>532.843</b>	<b>89,76</b>	<b>100,46</b>	<b>90,10</b>
1.1	Sản xuất kinh doanh	Tr đồng	571.610	512.149	510.842	89,37	99,74	89,90
1.2	Hoạt động tài chính	"	21.500	17.850	21.382	99,45	119,79	96,27
1.3	Thu nhập khác	"	500	430	619	123,84	144,00	65,55
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	Tr đồng	<b>569.962</b>	<b>513.421</b>	<b>513.179</b>	<b>90,04</b>	<b>99,95</b>	<b>90,28</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr đồng	<b>23.648</b>	<b>17.008</b>	<b>19.664</b>	<b>83,15</b>	<b>115,61</b>	<b>85,65</b>
3.1	Lợi nhuận SXKD	"	16.628	10.048	10.064	60,52	100,16	73,49
3.2	LN hoạt động tài chính	"	7.000	6.937	9.416	134,51	135,74	102,00
3.3	Lợi nhuận khác	"	20	23	184	918,90	797,59	571,64
<b>4</b>	<b>Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ</b>	%	<b>22,74</b>	<b>16,35</b>	<b>18,91</b>	<b>83,15</b>	<b>115,61</b>	<b>85,65</b>
<b>5</b>	<b>Chia cổ tức</b>	%	<b>12</b>	<b>8,5</b>	<b>8,5</b>	<b>70,83</b>	<b>100,00</b>	<b>70,83</b>

Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 81,76% kế hoạch ban đầu, 100,46% kế hoạch điều chỉnh và đạt 90,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 đạt 83,15% kế hoạch ban đầu, đạt 115,61% kế hoạch điều chỉnh và đạt 85,65% so với cùng kỳ năm 2020.

Xét thấy chi phí phát sinh do ảnh hưởng Covid-19 là hợp lý. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 cho Công ty, do vậy Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch điều chỉnh, lợi nhuận trước thuế tăng so với kế hoạch Tập đoàn điều chỉnh 15,61%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách ban điều hành:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Nơi sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ văn hóa & chuyên môn	Quá trình công tác	Số cổ phiếu năm giữ
1	Lê Thị Xuyên	Thành viên Hội đồng Quản trị- Tổng Giám Đốc Công ty	07-11-1972	Bắc Ninh	Việt Nam	Kinh	Bắc Ninh	35 đường 20, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, TP HCM	12/12 Cử nhân Kinh tế	Từ năm 2002 đến 2003 -Trưởng phòng SXKD Công ty CP CB gỗ Thuận An. Từ năm 2004 đến 2008- Kế toán trưởng Công ty CP CB gỗ Thuận An. Từ 01/07/08 đến 30/11/2019- Phó Giám đốc Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An Từ 01/12/2019 đến nay- Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	19.470
2	Phan Huy Tâm	Phó Tổng Giám đốc	20/10/1981	Nghệ An	Việt Nam	Kinh	Nghệ An	43 đường số 8, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM	12/12 Cử nhân Kinh tế	Từ T12/2004 đến T12/2008: Nhân viên kế toán Công ty CP CB gỗ Thuận An. Từ T12/2008 đến T03/2009: Phó phòng kế toán Công ty CP CB gỗ Thuận An. Từ T01/04/2009 đến 30/11/2019: Kế toán trưởng Công ty CP CB gỗ Thuận An. Từ T01/12/2019: Phó Tổng giám đốc Công ty CP chế biến gỗ Thuận An theo quyết định số 32/QĐ-HDQT-TAC ngày 29/11/2019	10.000
3	Nguyễn Thu Hương	Kế toán trưởng	02/12/1974	Lào cai	Việt Nam	Kinh	Hà Tĩnh	174/58 đường Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, Tp HCM	12/12 Cử nhân Kế toán	Từ 26/02/2003 đến 25/09/2003 Nhân viên thống kê – XN Tinh chế trung tâm, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An; Từ 26/09/2003 đến 15/09/2004 Nhân viên phòng SXKD - Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An; Từ 16/09/2004 đến 31/12/2007 Nhân viên phòng Kế toán - Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An; Từ 01/01/2008 đến 31/08/2009 Kế toán trưởng – XN Tinh chế trung tâm, Công ty CP CB gỗ Thuận An; Từ 01/09/2009 đến 31/12/2013 Kế toán tổng hợp - Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An; Từ 01/01/2014 đến 11/10/2016 Phó phòng Kế toán - Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An; Từ 12/10/2016 Đến 01/03/2020 Trưởng ban kiểm soát chuyên trách - Công ty CP chế biến gỗ Thuận An; Từ 02/03/2020 đến nay Kế toán trưởng - Cty CP chế biến gỗ Thuận An	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

a). Về lao động: Tổng số lao động tính đến 31/12/2021

STT	DIỄN GIẢI	Số lượng	Trong đó nữ	Tỷ lệ nữ/ Số LĐ
1	<b>Tổng Lao động</b>	<b>762</b>	<b>332</b>	<b>43,57%</b>
1.1	Văn phòng Công ty	42	16	38,10%
1.2	Chi nhánh	377	176	46,68%
1.3	Xí nghiệp Tinh chế trung tâm	361	138	38,23%
2	<b>Tình hình tăng giảm lao động</b>			
2.1	Lao động tăng trong năm	235	70	29,79%
2.2	Lao động giảm trong năm	253	83	32,80%
3	<b>Đảng viên</b>	<b>40</b>	<b>18</b>	<b>45,00%</b>
4	<b>Đoàn viên Công đoàn</b>	<b>752</b>	<b>332</b>	<b>44,15%</b>
5	<b>Đoàn Thanh niên</b>	<b>300</b>	<b>116</b>	<b>38,67%</b>
6	<b>Trình độ lao động</b>			
6.1	Lao động phổ thông	672	282	41,96%
6.2	Lao động có bằng nghề	11	1	9,09%
6.3	Công nhân kỹ thuật	2		0,00%
6.4	Lao động có trình độ Trung cấp	22	13	59,09%
6.5	Lao động có trình độ cao đẳng	8	3	37,50%
6.6	Lao động có trình độ Đại học	47	33	70,21%

b). Công tác tổ chức cán bộ:

Trong năm tình hình lao động toàn công ty ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh toàn công ty. Công ty đã ban hành một số quyết định bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa trong công tác tổ chức cán bộ.

Thực hiện kế hoạch, chỉ đạo của Tập đoàn và các cơ quan quản lý trên địa bàn trú đóng cũng như các Hiệp hội ngành gỗ, trong năm 2021 công ty đã cử lãnh đạo đơn vị và các cán bộ tham dự các lớp tập huấn ngắn hạn. Ban lãnh đạo công ty tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện như đưa đón, chi phí ăn ở trong công tác đào tạo nghiệp vụ đối với người lao động được cử đi học theo nhu cầu đào tạo của công ty.

c). Công tác chế độ người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ việc đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động 24/24 cho người lao động đang làm việc cho công ty. Và giải quyết đầy đủ các chế độ theo quy định cho người lao động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

Hàng tháng thực hiện chi trả chế độ độc hại bằng hiện vật cho đối tượng là người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục ngành sản xuất gỗ.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và ký hợp đồng trợ tuyến với cơ sở y tế để hỗ trợ công ty trong các trường hợp cấp cứu.

Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động học về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, và cử cán bộ nghiệp vụ tham gia tập huấn nghiệp vụ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án;

#### a) Tình hình đầu tư;

Tổng đầu tư mua sắm MMTB và XDCB năm 2021 là 14,525 tỷ đồng, trong đó:

- Mua sắm MMTB đã thực hiện là 1,7 tỷ đồng;
- Mua sắm MMTB đang thực hiện dở dang là 8,3 tỷ đồng;
- Xây dựng cơ bản công đang thực hiện dở dang 2 hạng mục:

+ Xây dựng nhà văn phòng chi nhánh Bình Phước là 1,999 tỷ đồng;

+ Cải tạo, sửa chữa nhà xưởng sơ chế thành xưởng sơn hoàn thiện tại chi nhánh Bình Phước là 2,526 tỷ đồng

Đầu tư góp vốn vào Công ty CP đầu tư xây dựng cao su Phú Thịnh vẫn giữ mức 2.000.000.000 đồng tương đương 20.000 cổ phiếu. Cổ tức năm 2015 và 2016 được chia bằng cổ phiếu là 1.040 cổ phiếu, vì vậy số cổ phiếu hiện tại đang nắm giữ là 21.040 cổ phiếu. Cổ tức năm 2020 được chia bằng tiền trong năm 2021 là 3,4% mệnh giá tương đương 71.536.000 đồng.

- Hiệu quả mang lại

Thực hiện đầu tư trong năm đã kịp thời hỗ trợ phục vụ sản xuất, đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

#### b) Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Hiện nay, tổng số vốn cổ phần của Công ty là 104 tỷ đồng, tương đương với 10.400.000 cổ phần, số lượng cổ phiếu quỹ hiện nay lên 570.000Cp.

Một số chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn của Công ty đến ngày 31/12/2021 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ%
Tổng giá trị tài sản	508.434	467.762	92,00%
Doanh thu thuần	568.237	510.842	89,90%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	13.694	9.549	69,73%
Lợi nhuận HĐTC	9.230	9.931	107,60%
Lợi nhuận khác	32,59	184	563,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	12%	100,00%
Thuế và các khoản phải nộp	5.191	4.542	87,50%
Lợi nhuận trước thuế	22.957	19.664	85,66%
Lợi nhuận sau thuế	18.328	15.674	85,52%

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSNH/Nợ ngắn hạn	1,38	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	1,31	1,15	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ = Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	66,70%	64,22%	
+ Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,26	2,89	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	10,81	5,43	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,12	1,09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	3,23%	3,07%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,62%	15,07%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	3,60%	3,35%	
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	2,46%	1,87%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## a) Cổ phần:

Tổng cổ phần 10.400.000 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do 9.830.000 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng 570.000 cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

## b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cơ cấu	Số lượng CP	Tỷ lệ
	Trong nước	9.760.805	99,30%
	Nước ngoài	69.195	0,70%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.830.000</b>	<b>100,00%</b>
	Tổ chức	6.230.496	63,38%
	Cá nhân	3.599.504	36,62%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.830.000</b>	<b>100,00%</b>
	Cổ đông sở hữu > 5%	7.642.440	77,75%
	Cổ đông sở hữu 1 > 5%	571.660	5,82%
	Cổ đông sở hữu < 1%	1.615.900	16,44%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.830.000</b>	<b>100,00%</b>

## c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 23 tháng 07 năm 2007, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An chính thức niêm yết 8.407.750 Cổ phiếu lên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán GTA và GTA đã trở thành cổ phiếu đầu tiên trong năm 2007 niêm yết và giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và cũng là cổ phiếu đầu tiên áp dụng quy định mới về giá chào sàn.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 200/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần chế biến gỗ Thuận An với số lượng 1.992.250 cổ phiếu nhằm huy động vốn đầu tư tiếp nhà máy Bình Phước, nâng tổng vốn điều lệ lên thành 104 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177 đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Ngày 26/06/2008 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cao su Chư Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

Từ 24/03/2011 đến 24/06/2011, Công ty đã tiến hành mua lại 300.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 7.892 đồng/CP, tương đương 2.367.661.471 đồng. Tính đến 31/12/2020 tổng số cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại là 570.000 cổ phiếu.

## d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177 đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Từ 24/03/2011 đến 24/06/2011, Công ty đã tiến hành mua lại 300.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 7.892 đồng/CP, tương đương 2.367.661.471 đồng. Tính đến 31/12/2020 tổng số cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại là 570.000 cổ phiếu.

## e) Các chứng khoán khác: Không có



## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường:**

#### **a) Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp**

Trong quá trình hoạt động của nhà máy, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; xe máy của công nhân viên ra vào nhà máy tương đối lớn sẽ phát sinh lượng bụi mặt đất cũng như khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng nhiên liệu để vận hành xe cũng như phát sinh các nguồn gây ô nhiễm. Các phương tiện này thường sẽ thải vào môi trường không khí một lượng khói thải có chứa các thành phần chất ô nhiễm phát tán vào môi trường xung quanh làm cho môi trường không khí bị ảnh hưởng.

Thành phần khí thải trong các phương tiện giao thông bao gồm; Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>, CO.

Đặc trưng ô nhiễm quan trọng trong dây chuyền sản xuất của công ty là bụi phát sinh từ công đoạn định hình gỗ.

Bụi từ các công đoạn gia công thô như: bóc dỡ, ghép, cắt, bào, chà nhám. Phần lớn bụi có kích thước lớn. Tại công ty chủ yếu được sinh ra từ quá trình bóc dỡ, cắt, bào trong quá trình ghép, các công đoạn như cưa, bào sinh ra một lượng bụi phát sinh rất lớn. Còn bụi trong quá trình đánh bóng, chà nhám là bụi mịn và có kích thước, trọng lượng riêng nhỏ nên khả năng phát tán xa có ảnh hưởng đến toàn bộ nhà xưởng.

Hơi dung môi và bụi sơn trong công đoạn sơn bóng sản phẩm, nhà máy sử dụng buồng phun sơn có màng nước để xử lý.

#### **b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính**

- Yêu cầu các xe vận chuyển giảm tốc độ trước khi ra vào công ty.
- Các xe vận chuyển được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- Vệ sinh thường xuyên nhà xưởng và các tuyến đường nội bộ;
- Trồng cây xanh để lọc bụi và cải thiện vi khí hậu khu vực.
- Đối với bụi rơi vãi trong xưởng sản xuất, công ty sử dụng máy hút bụi để thu gom;
- Đối với công nhân làm việc tại các khu vực có nồng độ bụi cao như khu vực cắt, chà nhám, sẽ được trang bị bảo hộ lao động và khẩu trang chống bụi.
- Toàn bộ lượng hơi dung môi trong khâu quét keo sẽ được nhà máy hạn chế bằng cách đặt quạt hút tại khu vực để theo ống dẫn đưa sang quạt hút. Toàn bộ lượng hơi dung môi sẽ được xử lý cùng với hơi dung môi từ buồng sơn bằng tháp hấp thụ than hoạt tính.

Ngoài ra, công ty còn thực hiện một số biện pháp như trang bị bảo hộ lao động và khẩu trang cho công nhân trực tiếp lao động trong khâu này. Sửa chữa lại nhà xưởng cho thông thoáng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Nguyên liệu	ĐV tính	Giá trị sử dụng thực tế	Ghi chú
Gỗ bán thành phẩm	Triệu đồng	56.867	
Gỗ nguyên liệu	Triệu đồng	48.680	
Gỗ cao su	Triệu đồng	119.009	
Vật liệu phụ	Triệu đồng	159.974	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Gỗ nguyên liệu qua chế biến, phần sản phẩm dư thừa không sử dụng vào chi tiết sản phẩm được tái sử dụng làm nguyên liệu đốt lò. Khối lượng nguyên liệu được tận dụng hàng năm có giá trị 300 triệu/ năm.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Hạng mục	Đơn vị tính	Kế hoạch dự kiến sử dụng	K.lượng sử dụng thực tế	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm trước (%)
Tổng lượng điện tiêu thụ	KWh/năm	1.847.500	1.656.100	-10.36%
Trong đó:				
- Lượng điện mua ngoài	KWh/năm	1.847.500	1.656.100	-10.36%

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Giải pháp tiết kiệm	Địa điểm áp dụng	K.lượng tiết kiệm (Kwh/năm)	Tỷ lệ tiết kiệm so với trước đây (%)	Chi phí tiết kiệm (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Gắn tôn sáng, lấy ánh sáng, giảm tiêu hao điện trong việc mở đèn	Các Xưởng sản xuất tại nhà máy	5.800kw	17,14%	11.600.000
<b>Tổng cộng:</b>				11.600.000

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

### 6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Hạng mục	Đơn vị tính	Kế hoạch dự kiến sử dụng	K.lượng sử dụng thực tế	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm trước (%)
Tổng lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup> /năm	18.624	18.316	-6.1%
Trong đó:				
- Lượng nước sạch sử dụng	m <sup>3</sup> /năm	18.624	18.316	-6.1%
- Lượng nước mưa tận dụng	m <sup>3</sup> /năm			
- Lượng nước thải tái sử dụng	m <sup>3</sup> /năm			

Nguồn nước do Chi nhánh cấp nước Thuận An- Công ty Cổ Phần Nước - Môi trường Bình Dương cung cấp;

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử.

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không*

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

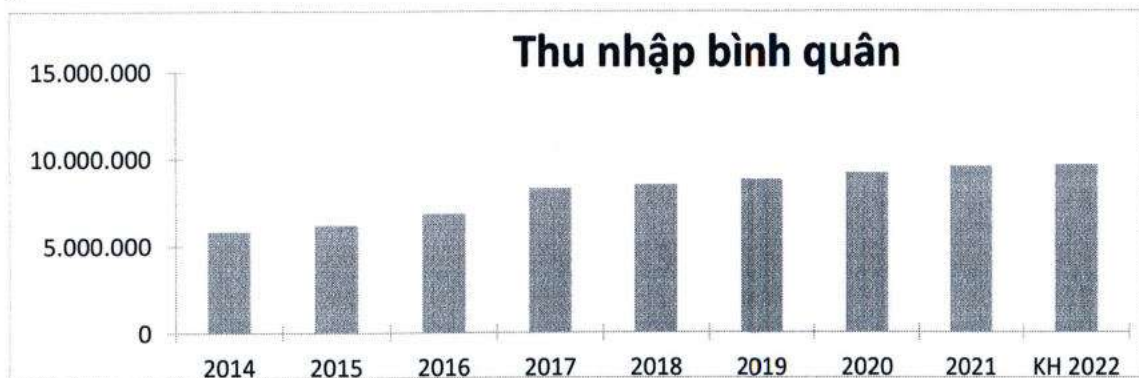
a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Lao động:

Lao động bình quân toàn công ty là 743 người, thu nhập bình quân là 9,525 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,05% so với năm trước.

- Thu nhập:

Thu nhập người lao động tăng theo từng năm và được thể hiện theo biểu đồ dưới đây.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

Vào các dịp lễ lớn và Tết Nguyên đán - Công ty trích từ nguồn quỹ tiền lương - tiền thưởng để thưởng cho người lao động theo phân hạng A, B, C; thâm niên công tác; chiến sĩ thi đua, cá nhân và tập thể lao động tiên tiến; trách nhiệm.

Trong dịp Tết nguyên đán năm 2022 công ty dự kiến chi thưởng cho CBCNV với tổng tiền thưởng 8,58 tỷ đồng, tiền thưởng bình quân 11,26 triệu đồng/ người tăng 7,23% so với tết năm 2021.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ việc đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động 24/24 cho người lao động đang làm việc cho công ty. Và giải quyết đầy đủ các chế độ theo quy định cho người lao động.

Hàng tháng thực hiện chi trả chế độ độc hại bằng hiện vật cho đối tượng là người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục ngành sản xuất gỗ.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và ký hợp đồng trợ tuyển với cơ sở y tế để hỗ trợ công ty trong các trường hợp cấp cứu.

Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động học về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, và cử cán bộ nghiệp vụ tham gia tập huấn nghiệp vụ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị, Ban chấp hành công đoàn công ty đã phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc công ty tổ chức lấy ý kiến qua Hội nghị người lao động cơ sở để tổng hợp báo cáo về Tập đoàn và Công đoàn Cao su; thông qua Hội nghị người lao động cơ sở, tập thể CBNV-LĐ sẽ tham gia ý kiến đóng góp xây dựng đơn vị, bàn thảo về việc thực hiện các chế độ, chính sách và chăm lo đời sống cho CBNV-LĐ.

Ban đại diện người lao động đã phối hợp cùng Ban chấp hành công đoàn công ty tổ chức đối thoại định kỳ trong doanh nghiệp, đã giải quyết được các vướng mắc, hạn chế về chế độ chính sách, tiền lương, thực hiện tốt bữa ăn giữa ca (tự phục vụ 20.000 đ/suất ăn), cải thiện điều kiện làm việc của tập thể CBNV-LĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; từ đó tạo môi trường làm việc ổn định, thân thiện giữa CBNV-LĐ và Ban Giám đốc công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra – giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong đơn vị, phối hợp với chuyên môn tổ chức các lớp huấn luyện ATVSLĐ cho các nhóm đối tượng trong đơn vị: in và gắn các bảng hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, nội quy biển báo PCCC; kiểm tra trang thiết bị chữa cháy; thường xuyên tập luyện kỹ thuật, phương án chữa cháy theo kế hoạch tháng/năm; giám sát việc thực hiện bồi dưỡng độc hại theo quy định.

Năm 2021 do dịch bệnh Covid-19, để đảm bảo sức khỏe và hạn chế tập trung đông người, Công ty không tổ chức tham quan nghỉ mát, Công ty đã chi hỗ trợ chi phí tham quan nghỉ mát cho người lao động, với mức chi từ 250.000đ; 370.000 đ và



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

500.000 đồng/ người tùy vào thâm niên công tác, tổng chi hỗ trợ du lịch: 336.780.000 đ.

Công đoàn công ty đã thực hiện sự hợp tác kết nghĩa giữa các tổ chức công đoàn (kết nghĩa với công đoàn công ty TNHH MTV Cao Su KrôngBuk và Tập chí Cao su Việt Nam) nhằm giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong hoạt động và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh đồng thời hỗ trợ chăm lo cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

Công đoàn công ty hỗ trợ người lao động trong thời điểm dịch Covid-19.

Hỗ trợ người lao động khẩu trang y tế và nước rửa tay từ tiền hỗ trợ của đơn vị kết nghĩa. Hỗ trợ người lao động bữa ăn phụ trong thực hiện công tác 3 tại chỗ tại Công ty và Chi nhánh. Công đoàn đề nghị công đoàn cấp trên hỗ trợ khẩn cấp cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 từ ngày 27/4/2021.

Hỗ trợ tiền ăn cho người lao động thực hiện công tác 3 tại chỗ tại Chi nhánh mỗi người 1.000.000 đ với 276 người với tổng số tiền là 276.000.000 đồng

Hỗ trợ người lao động tại Xí nghiệp TCTT và Văn phòng công ty bị ngừng việc do ảnh hưởng dịch Covid-19 mỗi người 200.000đ với 372 người với tổng số tiền là 74.400.000 đồng.

Hỗ trợ người lao động gói an sinh công đoàn với 382 người với số tiền là 76.400.000 đ.

Hỗ trợ 92 trường hợp F0 và 63 trường hợp F1 mỗi người từ 1.5 triệu đến 3 triệu đồng với tổng số tiền là 351 triệu đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Trong năm tình hình lao động toàn công ty ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh toàn công ty. Công ty đã ban hành một số quyết định bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa trong công tác tổ chức cán bộ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Thực hiện kế hoạch, chỉ đạo của Tập đoàn và các cơ quan quản lý trên địa bàn trú đóng cũng như các Hiệp hội ngành gỗ, trong năm 2021 công ty đã cử lãnh đạo đơn vị và các cán bộ tham dự các lớp tập huấn ngắn hạn. Ban lãnh đạo công ty tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện như đưa đón, chi phí ăn ở trong công tác đào tạo nghiệp vụ đối với người lao động được cử đi học theo nhu cầu đào tạo của công ty.



### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Trong năm 2021, có khách hàng đánh giá tiêu chuẩn BSCI, trách nhiệm xã hội, công ty đạt yêu cầu việc tuân thủ các quy định pháp luật về việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; việc doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Ngành cao su, của Nhà nước về môi trường, PCCC, ATVS/LĐ, chính sách chế độ, quyền lợi người lao động,...

Công ty thực hiện công tác tự kiểm tra tại cơ sở: Về việc thực hiện và chấp hành nội quy lao động, an toàn vệ sinh lao động; phòng chống cháy nổ; an toàn vệ sinh thực phẩm, trang cấp và sử dụng đồ bảo hộ lao động; vệ sinh công nghiệp nhà xưởng, ánh sáng môi trường lao động; giờ giấc làm việc và thời giờ nghỉ ngơi,...

Bên cạnh công tác phòng, chống dịch bệnh Công ty cũng quan tâm công tác đồng hành cùng chính quyền địa phương để cùng vượt qua đại dịch, công ty đã ủng hộ các quỹ phòng, chống Covid-19 của Ủy Ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Ủy Ban mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành Phố Thuận An, Hiệp Hội chế biến gỗ Bình Dương và Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam với số tiền là 205 triệu đồng.

### **6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.**

Năm 2021, Công ty gỗ Thuận An đạt top 20 trong 100 doanh nghiệp xuất sắc nhất, đi đầu trong thực hiện phát triển bền vững về thực hiện Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững tiếp tục được sử dụng làm thang đánh giá mức độ phát triển bền vững của các doanh nghiệp. Được Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) công nhận, liên tục 3 năm liền công ty đạt danh hiệu này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHỨNG NHẬN**

This is to certify that

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

*Là Doanh nghiệp bền vững năm 2021*

*Is a Sustainable Business in 2021*

Theo QĐ số/Decision no.: 2053/QĐ-PTM

Ngày/Issue date: 01/12/2021

CHỦ TỊCH VCCI  
VCCI CHAIRMAN AND PRESIDENT



Phạm Tấn Công



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh, thời gian ngừng sản xuất kéo dài, HĐQT Công ty đã gửi công văn trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xin điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021, xét theo tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của công ty nên Tập đoàn đã duyệt thỏa thuận kế hoạch điều chỉnh. Trên cơ sở thỏa thuận điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 Tập đoàn duyệt, Chủ tịch HĐQT công ty đã ký quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 theo nội dung chủ sở hữu (Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) đã duyệt và sẽ thông qua ĐHCĐ thường niên năm 2022. Do vừa sản xuất vừa chống dịch nên kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 đạt ở mức tương đối như sau;

Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 81,76% kế hoạch ban đầu, 100,46% kế hoạch điều chỉnh và đạt 90,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 đạt 83,15% kế hoạch ban đầu, đạt 115,61% kế hoạch điều chỉnh và đạt 85,65% so với cùng kỳ năm 2020.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021 ban đầu	Kế hoạch 2021 điều chỉnh	Thực hiện 2021	% so với KH ban đầu	% so với KH điều chỉnh	% so với năm 2020
<b>I</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>							
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	593.610	530.429	532.843	89,76	100,46	90,10
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	23.648	17.008	19.664	83,15	115,61	85,65
3	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	22,74	16,35	18,91	83,15	115,61	85,65
4	Chia cổ tức	%	12	8,5	8,5	70,83	100,00	70,83

#### 2. Tình hình tài chính.

##### a) Tình hình tài sản, tình hình nợ phải trả

Hiện nay, tổng số vốn cổ phần của Công ty là 104 tỷ đồng, tương đương với 10.400.000 cổ phần, số lượng cổ phiếu quỹ hiện nay lên 570.000Cp.

Một số chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn của Công ty đến ngày 31/12/2021 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-2020	31-12-2021	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Tiền và tương đương tiền	Tr đồng	47.083	19.283	(27.800)	40,96
2	Tiền gửi có kỳ hạn	"	325.800	277.100	(48.700)	85,05
3	Phải thu khách hàng	"	26.512	23.189	(3.323)	87,47
4	Trả trước người bán	"	584	3.600	3.016	616,44
6	Phải trả người bán	"	33.124	23.591	(9.533)	71,22
7	Người mua trả tiền trước	"	19.496	40.901	21.405	209,79
8	Vay ngắn hạn	"	265.072	213.584	(51.488)	80,58

Công nợ phải thu khách hàng là 23,189 tỷ đồng, Công ty luôn theo dõi tiến độ thanh toán của khách hàng xuất khẩu đồng thời gửi yêu cầu thanh toán đối với công nợ trong nước đã đến hạn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- 1/ Xây dựng sự gắn kết, đồng tâm, đồng thuận, đồng hành trong công việc;
- 2/ Đội ngũ lao động có sức khỏe, kỹ thuật, kỷ luật, năng suất cao;
- 3/ Tạo môi trường làm việc tốt: an toàn, sạch sẽ, thông thoáng, ngăn nắp.
- 4/ Thực hành tiết kiệm, không lãng phí, cung ứng nguyên vật liệu đồng bộ, kịp thời cho sản xuất.
- 5/ Luôn cải tiến để trưởng thành, luôn sáng tạo để phát triển.
- 6/ Tăng năng suất lao động phải song hành với tăng chất lượng sản phẩm và hiệu quả.
- 7/ Chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần người lao động.
- 8/ Phát huy vai trò tổ chức đoàn thể trong thi đua lao động sản xuất, văn thể mỹ.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trong điều kiện có nhiều yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen. Ban điều hành sẽ tiếp tục tập trung thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó tập trung quyết liệt các nội dung cụ thể như sau:



*Thứ nhất*, Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền người lao động nâng cao ý thức phòng chống dịch covid-19, tuân thủ quy tắc 5K nhằm thích ứng an toàn và thực hiện tốt mục tiêu kép.

*Thứ hai*, Sớm hoàn thiện việc cải tạo xưởng sơ chế tại chi nhánh Bình Phước thành xưởng sơn hoàn thiện. Tuyển thêm lao động chuẩn bị mọi nguồn lực để đưa xưởng sơn vào hoạt động, tăng công suất, tăng doanh thu và hiệu quả SXKD của công ty.

*Thứ ba*, Cải tạo sắp xếp máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất từng xưởng hợp lý nhằm giảm công đoạn thừa. Tiếp tục đầu tư các máy móc có tính tự động cao, phù hợp với dòng hàng đang sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

*Thứ tư*, Quản lý chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và sản xuất sạch hơn, quản lý nguồn nhân lực, an toàn vệ sinh lao động.

*Thứ năm*, Tìm kiếm thêm nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu để có giá tốt, quản lý tốt định mức tiêu hao nguyên vật liệu và tiết kiệm chi phí, giảm tiêu hao NVL, để giảm giá thành sản phẩm, cung cấp đồng bộ kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

*Thứ sáu*, Nghiên cứu ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý sản xuất, bán hàng và phát triển sản phẩm. Ứng dụng công nghệ 3D vào giới thiệu sản phẩm với khách hàng.

*Thứ bảy*, Thực hiện tốt công tác ANQP, TTATXH và bảo vệ trong đơn vị. Tiếp tục duy trì các phong trào thi đua lao động sản xuất – đảm bảo thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động.

*Thứ tám*, Thường xuyên tổ chức đối thoại để nắm rõ và kịp thời tâm tư của người lao động nhằm có biện pháp ổn định tâm lý giúp người lao động yên tâm sản xuất; Khuyến khích người lao động tích cực tham gia cải tiến, sáng kiến trong sản xuất.

*Thứ chín*, Ổn định nguồn lao động, chăm lo, đảm bảo đời sống người lao động nhằm gắn kết tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo cho mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

*Thứ mười*, Giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng tiềm năng, không ngừng cải tiến về mọi mặt, giữ uy tín và niềm tin với khách hàng. Quan tâm các công tác thiết kế sản phẩm, sản xuất các sản phẩm mẫu do chính công ty tự thiết kế, chủ động tìm kiếm khách hàng, đơn hàng có giá trị kinh tế cao.

*Mười một*, Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC-COC. Kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của dự án Score với đề tài nghiên cứu “Sản xuất tinh gọn”, “Loại bỏ lãng phí trong





ngành gỗ” và chương trình 5S của Nhật bản, nhằm tạo môi trường làm việc tốt để giữ chân người lao động, đảm bảo nguồn lực thực hiện đơn hàng đúng tiến độ.

Mười hai, Tiếp tục duy trì và thực hiện là Doanh nghiệp phát triển bền vững về thực hiện chỉ tiêu ở ba lĩnh vực Kinh tế – Xã hội – Môi trường. Năm 2022, tập thể người lao động toàn công ty cùng Ban Lãnh đạo công ty đoàn kết và quyết tâm là sức mạnh cộng hưởng tạo động lực mạnh mẽ giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

## **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):**

## **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Thực hiện việc kiểm định nồi hơi, máy nén khí; kiểm tra điện trở nối đất của hệ thống chống sét; các xe nâng hàng đúng định kỳ theo quy định. Kiểm định đầy đủ đúng thời gian quy định của máy móc, thiết bị trong danh mục nguy hiểm.

Để đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân: quần áo bảo hộ, khẩu trang, nút chống ồn, bao tay, trang bị tấm che chắn cho thiết bị ở những vị trí cần thiết.

Công ty luôn xác định, hiệu quả sản xuất kinh doanh phải đi đôi với bảo vệ môi trường. Vì vậy, hàng năm công ty tiến hành đo kiểm tra môi trường lao động, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, môi trường làm việc, từ đó có giải pháp khắc phục.

Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hệ thống được duy trì và vận hành thường xuyên liên tục, đảm bảo nước thải ra môi trường không gây ô nhiễm môi trường.

Bên cạnh đó, nhằm tạo cảnh quan trong khuôn viên công ty, cải thiện điều kiện làm việc và góp phần bảo vệ môi trường, Công ty đã đầu tư kinh phí để chăm sóc cây xanh, cắt tỉa cành cây xanh, chăm sóc cây cảnh

### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Tổng số lao động toàn công ty đến 31/12/2021: có 762 người.

Thu nhập bình quân năm 2021: 9.525.000 đ/ng/tháng - đạt 101,5% so với kế hoạch ban đầu.

Công ty thực hiện tốt các chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của Công ty. Trong năm Công ty đã ban hành một số quyết định bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý, thực hiện đúng theo quy trình về công tác cán bộ, đảm bảo nhu cầu quản lý sản xuất của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.



Công ty chấp hành đúng các chế độ hội họp, thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất theo thông báo của địa phương, của ngành cao su và các cơ quan chức năng khác. Thủ tục hành chính nhanh nhẹn, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, điều hành – Thực hiện áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015.

Ban hành nhanh chóng, kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và thi đua khen thưởng.

- Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 theo Quyết định số 13/QĐ-TAC ngày 01/02/2021 để giúp Ban Lãnh đạo công ty chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại công ty và Chi nhánh Bình Phước.

Ban Tổng Giám đốc có quan hệ tốt địa phương, liên hệ để tổ chức chích ngừa covid-19 sớm cho người lao động tại nhà máy Bình Dương và Bình Phước. Tính đến nay tỷ lệ NLD toàn công ty đã tiêm ngừa đủ 3 mũi vắc xin phòng chống covid-19 đạt 93,9%. Triển khai nhiều giải pháp kịp thời, quyết liệt trong công tác phòng chống dịch covid-19, hàng tuần duy trì test nhanh Covid cho toàn thể người lao động trong công ty, hạn chế tối đa F0 lây nhiễm trong công ty, đảm bảo sức khỏe người lao động và mọi người an tâm làm việc

\* Các cơ quan pháp luật hoặc chuyên ngành thực hiện tại công ty:

Trong năm 2021, có khách hàng đánh giá tiêu chuẩn BSCI, trách nhiệm xã hội, công ty đạt yêu cầu việc tuân thủ các quy định pháp luật về việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; việc doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Ngành cao su, của Nhà nước về môi trường, PCCC, ATVSLĐ, chính sách chế độ, quyền lợi người lao động,...

Công ty thực hiện công tác tự kiểm tra tại cơ sở: Về việc thực hiện và chấp hành nội quy lao động, an toàn vệ sinh lao động; phòng chống cháy nổ; an toàn vệ sinh thực phẩm, trang cấp và sử dụng đồ bảo hộ lao động; vệ sinh công nghiệp nhà xưởng, ánh sáng môi trường lao động; giờ giấc làm việc và thời giờ nghỉ ngơi,...

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Đề nghị công ty tiếp tục phát huy đặc biệt trong công tác chăm sóc khách hàng và các bên liên quan.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành công ty phải bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng tháng/quý/năm để tổ chức thực hiện trên tinh thần phát huy tối đa các cơ hội kinh doanh và nguồn lực của công ty. Theo đó, Ban Tổng giám đốc và Tập thể người lao động đã nỗ lực với tinh thần đoàn kết, vượt khó để hoàn thành các chỉ tiêu được giao, cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021 ban đầu	Kế hoạch 2021 điều chỉnh	Thực hiện 2021	% so với KH ban đầu	% so với KH điều chỉnh	% so với năm 2020
<b>1</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>							
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	593.610	530.429	532.843	89,76	100,46	90,10
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	23.648	17.008	19.664	83,15	115,61	85,65
3	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	22,74	16,35	18,91	83,15	115,61	85,65
4	Chia cổ tức	%	12	8,5	8,5	70,83	100,00	70,83

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh, thời gian ngừng sản xuất kéo dài, HĐQT Công ty đã gửi công văn trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xin điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021, xét theo tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của công ty nên Tập đoàn đã duyệt thỏa thuận kế hoạch điều chỉnh. Trên cơ sở thỏa thuận điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 Tập đoàn duyệt, Chủ tịch HĐQT công ty đã ký quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 theo nội dung chủ sở hữu (Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) đã duyệt. Do vừa sản xuất vừa chống dịch nên kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 đạt ở mức tương đối.

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 100,46% kế hoạch năm và đạt 90,1% so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 đạt 115,61% kế hoạch năm và đạt 85,65% so với cùng kỳ năm 2020.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2022 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen đối với ngành chế biến gỗ do dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại các nước Mỹ và Châu Âu,... Tuy nhiên, với tiềm lực hiện có (nguồn vốn, công nghệ sản xuất, năng lực quản trị, uy tín thương hiệu...), Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực thực thi trách nhiệm của mình để chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu trình đại hội, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, duy trì tổ chức họp Hội đồng quản trị theo đúng định kỳ; thực hiện ngay các cuộc họp bất thường khi có yêu cầu để kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty giúp quá trình vận hành của doanh nghiệp phù hợp với quy định và thực tiễn sản xuất kinh doanh.



*Thứ hai*, tiếp tục chỉ đạo, nghiên cứu và ban hành/sửa đổi các quy định nội bộ để không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, hướng tới hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và điều hành.

*Thứ ba*, trước mắt, thực hiện ngay một số giải pháp cụ thể: <sup>(1)</sup> tiếp tục thực hiện song song hai mục tiêu vừa phòng chống dịch hiệu quả và phát triển kinh tế trong tình hình mới; <sup>(2)</sup> tăng cường quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, bố trí nhân sự nhằm nâng cao hiệu lực quản lý điều hành, giảm lãng phí để tăng hiệu quả sản xuất; <sup>(3)</sup> phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm mới với đặc tính thân thiện với môi trường hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai; <sup>(4)</sup> tiếp tục đầu tư các máy móc có tính tự động cao, phù hợp với dòng hàng đang sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ văn hóa & chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ công tác hiện nay	Số cổ phiếu năm giữ	Ghi chú
1	Trần Thị Kim Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	26/05/1966	12/12 Thạc sỹ kinh doanh và quản lý	10/3/2015	Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng XNK Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	60.360	
2	Bùi Đức Vinh	Thành viên HĐQT	1976	12/12 Cử nhân kinh tế, thạc sỹ quản trị điều hành cao cấp	22/03/2018	Phó ban kế hoạch đầu tư – tập đoàn CN cao su VN	0	
3	Lê Thị Xuyên	Thành viên HĐQT- Tổng Giám Đốc Cty	07-11-1972	12/12 Cử nhân Kinh tế	28/04/2008	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	19.470	
4	Chu Thị Mai	Thành viên HĐQT	27/01/1967	12/12 Cử nhân Kinh tế	28/02/2020	Phó Giám đốc, Công ty TNHH sản xuất Trầm Hương Việt Nam	0	Thành viên HĐQT độc lập
5	Trịnh Xuân Tiến	Thành viên HĐQT	27/12/1972	12/12 Thạc sỹ quản trị kinh doanh	28/02/2020	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Cty TNHH MTV Cao su Bình Long	0	Thành viên HĐQT độc lập

Tính đến thời điểm hiện nay Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 02 thành viên độc lập chiếm 40,0% và không có thành viên HĐQT nào nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT của trên 03 Doanh nghiệp khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hiện tại Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các lĩnh vực liên quan đến nhân sự, tiền lương, quan hệ cổ đông,... được Thư ký & các phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
01	Bà Trần Thị Kim Thanh	Chủ tịch	03/2015	4	100	
02	Bà Lê Thị Xuyên	Thành viên	03/2008	4	100	
03	Ông Bùi Đức Vinh	Thành viên	03/2018	4	100	
04	Ông Trịnh Xuân Tiến	Thành viên	02/2020	4	100	
05	Bà Chu Thị Mai	Thành viên	02/2020	4	100	

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị có 5 thành viên, trong đó, có 02 thành viên độc lập. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực trong các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

Trong năm HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý.... Đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữ HĐQT và Ban TGD. Quá trình thực thi hoạt động của công ty diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, kế hoạch do HĐQT và ĐHCĐ thường niên đề ra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01/2021/ NQHĐQT- TAC	08/01/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thống nhất việc vay vốn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Vietcombank Bình Dương), cụ thể:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Số tiền vay quy đồng Việt Nam: tối đa 280.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng)</li><li>+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.</li><li>+ Sử dụng tài sản của Công ty để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại VCB Bình Dương.</li></ul></li><li>- Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty được ký kết hợp đồng tín dụng và các văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc vay vốn trên và thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.</li></ul>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
2	02/2021/ NQHĐQT- TAC	10/3/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 &amp; Thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.</li><li>- Thống nhất với các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2021 của ban điều hành Công ty. Yêu cầu ban điều hành thực hiện các giải pháp ngay từ đầu để thực hiện theo từng tháng, quý, đảm bảo thực hiện kế hoạch năm.</li><li>- Thống nhất các ý kiến báo cáo của Ban kiểm soát và các đề xuất. Đề nghị ban điều hành thực hiện theo các đề nghị của Ban kiểm soát.</li><li>- Thống nhất chủ trương thanh lý TSCĐ đã hết khấu hao, không có nhu cầu sử dụng. Thực hiện việc thanh lý TSCĐ theo đúng trình tự, quy định về quản lý TSCĐ.</li><li>- Thực hiện phân bổ cây cao su thanh lý theo đúng quy chế bán gỗ cao su thanh lý của các Công ty Cao su thuộc Tập đoàn CN Cao su Việt Nam tại Quyết định số 311/QĐ- HĐTVCSVN ngày 14/8/2017 của Tập đoàn.</li><li>- Thống nhất thông qua thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông năm 2021, theo báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty.</li><li>- Thống nhất rà soát chỉnh sửa, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với quy định của luật Doanh nghiệp năm 2020.</li><li>- Thống nhất xây dựng quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty theo đúng quy định hiện hành.</li><li>- Thống nhất các nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Giao Ban điều hành thực hiện các quy định về tài liệu báo cáo Đại hội cổ đông, chuẩn bị các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội cổ đông năm 2021.</li><li>- Tập trung chăm lo đời sống, vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo môi trường làm việc, tiền lương và thu nhập ổn định cho người lao động.</li></ul>
3	03/2021/ NQHĐQT- TAC	05/5/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thống nhất mức chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền là 12% trên mệnh giá.</li><li>- Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21/5/2021.</li><li>- Ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 10/6/2021.</li><li>- Giao cho Ban tổng giám đốc tiến hành làm thủ tục đăng ký chốt danh sách cổ đông với Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán.</li></ul>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
4	04/2021/N QHĐQT- TAC	15/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2021 &amp; một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD quý 4 năm 2021.</li> <li>- Thống nhất với các giải pháp của ban điều hành Công ty để thực hiện kế hoạch năm 2021, đánh giá cao ban điều hành đã nỗ lực phấn đấu giảm bớt thiệt hại do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Thống nhất rà soát các chỉ tiêu ước thực hiện kết quả SXKD năm 2021. Tiếp tục chỉ đạo công tác SXKD với mục tiêu hoàn thành kế hoạch ở mức độ cao nhất. Giao ban điều hành theo dõi tiến độ thực hiện SXKD quý 04 năm 2021 tại Xí nghiệp tinh chế trung tâm và Chi nhánh Bình Phước.</li> <li>- Đề nghị ban điều hành tiếp tục triển khai hoàn thành các hạng mục theo kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021. Rà soát để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022.</li> <li>- Yêu cầu Công ty tìm mọi biện pháp để thực hiện “mục tiêu kép”, vừa tập trung ổn định, tổ chức hoạt động SXKD, vừa bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19, trên tinh thần hiệu quả, tiết giảm chi phí.</li> </ul>

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị có 5 thành viên, trong đó, có 02 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT độc lập cùng HĐQT tham gia tích cực trong các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
04	Ông Trịnh Xuân Tiến	Thành viên	02/2020	4	100	
05	Bà Chu Thị Mai	Thành viên	02/2020	4	100	

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm; *Không*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuuanan.vn**2. Ban Kiểm soát;****a) Danh sách Ban kiểm soát;**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên chuyên trách được bầu là trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên kiêm nhiệm.

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ văn hóa & chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ công tác hiện nay	Số cổ phiếu nắm giữ
1	Đặng Thị Dung	Trưởng Ban	27/07/1983	12/12 Cử nhân kế toán	20/02/2020	Trưởng ban KS chuyên trách Công ty CP CB gỗ Thuận An	0
2	Đình Thanh Toàn	Thành viên	08/12/ 1982	12/12 Cử nhân kế toán	20/02/2020	Kế toán tổng hợp Cty TNHH MTV Cao su Bình Long	0
3	Lê Tiến Luận	Thành viên	03/03/1974	12/12 Cử nhân Kinh tế	10/03/2015	Chuyên viên Ban TCKT – Tập đoàn CN cao su VN	0

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát đã lập kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động của công ty phù hợp với Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, thẩm định Báo cáo tài chính.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Ngoài các cuộc họp để thực hiện kiểm tra định kỳ, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm nắm bắt kịp thời và có những đề xuất phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
01	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	02/2020	4	100	
02	Ông Đình Thanh Toàn	Thành viên	02/2020	4	100	
03	Ông Lê Tiến Luận	Thành viên	3/2015	4	100	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

**3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích;

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2021			
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao	Hưởng Thưởng thành tích	Hưởng Phúc l
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		-	<b>240.000.000</b>	<b>114.000.000</b>	-
1	Trần Thị Kim Thanh	Chủ tịch		60.000.000	39.000.000	
2	Lê Thị Xuyên	Thành viên; Tổng Giám đốc		36.000.000	39.000.000	
3	Chu Thị Mai	Thành viên		36.000.000	6.000.000	
4	Trịnh Xuân Tiến	Thành viên		36.000.000	10.000.000	
5	Bùi Đức Vinh	Thành viên		36.000.000	10.000.000	
6	Phan Huy Thành	Thư ký HĐQT		36.000.000	10.000.000	
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>226.346.088</b>	<b>48.000.000</b>	<b>26.000.000</b>	<b>6.284.000</b>
1	Đặng Thị Dung	Trưởng BKS	226.346.088		14.000.000	6.284.000
2	Đình Thanh Toàn	Thành viên		24.000.000	6.000.000	
3	Lê Tiến Luận	Thành viên		24.000.000	6.000.000	
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		<b>942.944.558</b>	-	<b>48.000.000</b>	<b>23.637.000</b>
1	Lê Thị Xuyên	Tổng Giám đốc	386.521.201			8.314.000
2	Phan Huy Tâm	Phó Tổng giám đốc	300.456.806		29.000.000	7.357.000
3	Nguyễn Thu Hương	Kế toán trưởng	255.966.551		19.000.000	7.966.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.169.290.646</b>	<b>288.000.000</b>	<b>188.000.000</b>	<b>29.921.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Cổ đông	Tổng cổ phần đầu kỳ	tăng giảm trong kỳ	Tổng số Cp hiện nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu
Trần Ngọc Xuân Trang	851.440	13.000	864.440	8,79%
Trần Quốc Bình	663.000	(202.000)	461.000	4,69%
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bình Long	5.090.334		5.090.334	51,78%
Tổng Công Ty cao su Việt Nam	1.117.666		1.117.666	11,37%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành đã thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật quản lý thuế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Số điện thoại: 0274 3718030- Web: gothuanan.vn

năng quản trị của Hội đồng quản trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của công ty.

- Về các quyết định của Ban TGD đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời. Các quyết định có nội dung chưa phù hợp đều được chỉnh sửa phù hợp sau khi xin ý kiến của HĐQT.

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

#### 1. Ý kiến kiểm toán

- Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán: Nguyễn Bảo Trung; giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0373-2018-126-1

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

- Ý kiến của kiểm toán độc lập ( trích dẫn trong báo cáo kiểm toán).

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15/02/2022, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được kiểm toán (Có báo cáo đính kèm)

Hoặc xem chi tiết tại Mục, “Quan hệ cổ đông”, địa chỉ: <https://gothuanan.vn/>.



**Lê Thị Xuyên**



Số: 149/BCKT/TC/NV9

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15/02/2022, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>431.146.109.440</b>	<b>466.616.518.858</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>19.282.838.309</b>	<b>47.083.494.191</b>
1. Tiền	111		19.282.838.309	31.583.494.191
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>277.100.000.000</b>	<b>325.800.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		277.100.000.000	325.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.638.091.899</b>	<b>35.573.425.718</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.188.518.363	26.511.617.247
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.600.056.383	583.537.567
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.348.533.252	8.978.598.343
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(501.928.841)	(501.928.841)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	2.912.742	1.601.402
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>86.884.836.294</b>	<b>48.959.194.392</b>
1. Hàng tồn kho	141		86.884.836.294	48.959.194.392
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.240.342.938</b>	<b>9.200.404.557</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	159.027.201	414.363.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.081.315.737	8.786.041.306
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.615.614.290</b>	<b>41.817.140.543</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.715.442.241</b>	<b>34.809.515.592</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	32.715.442.241	34.809.515.592
- Nguyên giá	222		179.652.852.276	169.441.696.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.937.410.035)	(134.632.181.021)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>-</b>	<b>3.388.005.515</b>
- Nguyên giá	231		-	8.510.563.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(5.122.557.875)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>143.557.510</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.557.510	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.756.614.539</b>	<b>1.619.619.436</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.756.614.539	1.619.619.436
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>467.761.723.730</b>	<b>508.433.659.401</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021		01/01/2021	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>300.378.377.622</b>		<b>339.141.681.959</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>300.378.377.622</b>		<b>339.141.681.959</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	23.591.111.142		33.123.573.785	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	40.900.850.291		19.495.740.372	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.433.006.784		1.293.887.117	
4. Phải trả người lao động	314		15.478.852.413		14.573.896.935	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	428.306.406		453.261.158	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	763.059.218		855.738.166	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	213.583.732.962		265.072.287.213	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.199.458.406		4.273.297.213	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-		-	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>167.383.346.108</b>		<b>169.291.977.442</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	22	<b>167.383.346.108</b>		<b>169.291.977.442</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		104.000.000.000		104.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.000.000.000		104.000.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.982.000.000		41.982.000.000	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6.735.335.885)		(6.735.335.885)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.462.562.552		11.717.562.552	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.674.119.441		18.327.750.775	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.674.119.441		18.327.750.775	
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>467.761.723.730</b>		<b>508.433.659.401</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	23	01	<b>510.841.937.122</b>	<b>568.236.974.948</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	24	10	<b>510.841.937.122</b>	<b>568.236.974.948</b>
Giá vốn hàng bán	25	11	471.948.485.683	525.338.308.812
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>		20	<b>38.893.451.439</b>	<b>42.898.666.136</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	26	21	21.382.061.901	22.209.279.777
Chi phí tài chính	27	22	11.451.041.159	12.979.292.905
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	11.036.202.713	12.872.871.270
Chi phí bán hàng	28	25	9.979.351.947	9.947.754.765
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	26	19.365.371.016	19.256.196.245
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>		30	<b>19.479.749.218</b>	<b>22.924.701.998</b>
Thu nhập khác	29	31	619.206.758	945.682.587
Chi phí khác	30	32	435.422.998	913.092.632
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>		40	<b>183.783.760</b>	<b>32.589.955</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>		50	<b>19.663.532.978</b>	<b>22.957.291.953</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	51	3.989.413.537	4.629.541.178
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>		60	<b>15.674.119.441</b>	<b>18.327.750.775</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	70	1.595	1.864

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	505.717.998.000	503.065.742.839
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(431.377.602.671)	(379.195.650.357)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(86.276.832.164)	(76.730.959.804)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.085.295.034)	(12.914.502.810)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.823.419.675)	(4.004.936.769)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	62.811.740.545	43.778.395.624
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(69.493.206.993)	(49.990.828.764)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(33.526.617.992)</b>	<b>24.007.259.959</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.029.655.149)	(6.404.041.309)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(374.300.000.000)	(322.032.635.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	423.000.000.000	323.620.649.315
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.329.135.573	22.707.426.782
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>68.999.480.424</b>	<b>17.891.399.172</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	530.797.097.357	461.933.544.629
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(582.285.651.608)	(453.017.213.666)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.779.538.400)	(11.792.727.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(63.268.092.651)</b>	<b>(2.876.396.437)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(27.795.230.219)</b>	<b>39.022.262.694</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>47.083.494.191</b>	<b>8.067.323.647</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.425.663)	(6.092.150)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>19.282.838.309</b>	<b>47.083.494.191</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Trụ sở chính của Công ty tại Đại lộ Bình Dương, Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 104.000.000.000 đồng; Tổng số cổ phần là 10.400.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Stt	Tên	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ
01.	Vốn góp của các cổ đông	98.300.000.000	9.830.000	94,52%
02.	Cổ phiếu quỹ Cộng	5.700.000.000 <u>104.000.000.000</u>	570.000 <u>10.400.000</u>	5,48% 100%

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại Lộ Bình Dương, Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Ấp III, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Khai thác và sơ chế gỗ; Cưa, xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình kỹ thuật; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng; Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại; Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu – Bán buôn cao su (không chứa mù cao su tại trụ sở chính); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán năm, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND)

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm Báo cáo.

**3.4 Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3.5 Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao Theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2021
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 60 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

### **3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.10 Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **3.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **3.12 Ghi nhận doanh thu**



***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.13 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**3.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.15 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	72.426.000	35.403.500
Tiền gửi ngân hàng	19.210.412.309	31.548.090.691
Các khoản tương đương tiền	-	15.500.000.000
	<b>19.282.838.309</b>	<b>47.083.494.191</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo</b>	<b>277.100.000.000</b>	<b>277.100.000.000</b>	<b>325.800.000.000</b>	<b>325.800.000.000</b>
- Tiền gửi ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Dương	50.000.000.000	50.000.000.000	24.200.000.000	24.200.000.000
- Ngân hàng Bắc Á	39.200.000.000	39.200.000.000	17.700.000.000	17.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Trung tâm Kinh Doanh	70.000.000.000	70.000.000.000	103.100.000.000	103.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Bán Việt - CN Gia Định	89.300.000.000	89.300.000.000	103.300.000.000	103.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	14.000.000.000	14.000.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Dương	-	-	51.400.000.000	51.400.000.000
- Tiền gửi ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Dĩ An Bình Dương	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
<b>b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
- Trái phiếu				
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>279.100.000.000</b>	<b>279.100.000.000</b>	<b>327.800.000.000</b>	<b>327.800.000.000</b>

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh chưa thực hiện niêm yết trên các thị trường chứng khoán, đồng thời do các điều kiện hiện hành cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Phải thu của khách hàng</b>	<b>23.188.518.363</b>	<b>26.511.617.247</b>
Công Ty TNHH Thanh Minh Khánh	65.340.000	150.480.000
Công ty Cổ phần Gỗ Cao su Thiên Hưng	2.568.279.063	4.568.279.063
JOFRAN INC	1.069.552.767	1.878.413.492
Sourcebynet Pte Ltd	4.390.806.354	12.412.394.317
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Nguyễn Thái Dương	54.288.511	274.146.353
Made.com Design Limited	8.265.267.889	2.946.885.967
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.774.983.779	4.281.018.055
	<b>23.188.518.363</b>	<b>26.511.617.247</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán</b>	<b>2.061.069.383</b>	<b>583.537.567</b>
HALO LEATHER LIMITED	307.032.400	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Long Phát	335.204.764	483.009.548
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Nguyễn Dũng	529.500.000	-
Công ty TNHH Phú Thiên Hương	437.000.000	-
Các khách hàng khác	452.332.219	100.528.019
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</b>	<b>1.538.987.000</b>	-
	<b>3.600.056.383</b>	<b>583.537.567</b>

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.580.391.165</b>	<b>3.729.151.013</b>
Phải thu về các khoản BHXH, BHYT,...	323.890.739	244.669.205
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.483.271.753	2.785.856.274
Phải thu khác	127.272.728	127.272.728
Tạm ứng	645.955.945	571.352.806
<b>b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</b>	<b>9.768.142.087</b>	<b>5.249.447.330</b>
Tiền đặt cọc, ký quỹ mua cao su thanh lý	9.768.142.087	5.249.447.330
	<b>12.348.533.252</b>	<b>8.978.598.343</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
Công ty Gỗ Tân Nghĩa Phát	75.984.200	75.984.200	-	75.984.200	75.984.200	-
Công ty Cổ phần Long Bình	55.277.470	55.277.470	-	55.277.470	55.277.470	-
Công ty TNHH TMDV Chế biến gỗ PSP	27.095.400	27.095.400	-	27.095.400	27.095.400	-
Công ty TNHH JinHone EntVN	12.016.620	12.016.620	-	12.016.620	12.016.620	-
Period Style Furniture	40.325.694	40.325.694	-	40.325.694	40.325.694	-
Công ty TNHH Đức Thịnh	5.896.050	5.896.050	-	5.896.050	5.896.050	-
Công ty TNHH Lam Đô	21.743.458	21.743.458	-	21.743.458	21.743.458	-
Công ty TNHH Mộc Việt	8.375.400	8.375.400	-	8.375.400	8.375.400	-
Cơ sở Minh Tiến	30.556.790	30.556.790	-	30.556.790	30.556.790	-
DNTN Thanh Bình	57.603.689	57.603.689	-	57.603.689	57.603.689	-
DNTN Trần Ngọc	2.817.780	2.817.780	-	2.817.780	2.817.780	-
DNTN Lan Trâm	56.802.317	56.802.317	-	56.802.317	56.802.317	-
Cty TNHH NLN Thái Quân	17.330.330	17.330.330	-	17.330.330	17.330.330	-
Lưu Xuân Ngà	13.810.000	13.810.000	-	13.810.000	13.810.000	-
Phan Đình Thư	45.793.810	45.793.810	-	45.793.810	45.793.810	-
Cửa hàng TTNT Cẩm Nhung	30.499.833	30.499.833	-	30.499.833	30.499.833	-
	<b>501.928.841</b>	<b>501.928.841</b>	<b>-</b>	<b>501.928.841</b>	<b>501.928.841</b>	<b>-</b>

**10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hàng tồn kho	2.912.742	1.601.402
	<b>2.912.742</b>	<b>1.601.402</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.867.975.000	-	9.789.893.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.383.047.943	-	9.576.225.861	-
Công cụ, dụng cụ	527.267.420	-	552.149.660	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.058.546.092	-	14.438.744.428	-
Thành phẩm	21.047.999.839	-	14.602.181.443	-
	<b>86.884.836.294</b>	<b>-</b>	<b>48.959.194.392</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>159.027.201</b>	<b>414.363.251</b>
Công cụ dụng cụ	101.003.730	290.545.393
Chi phí sửa chữa	58.023.471	123.817.858
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.756.614.539</b>	<b>1.619.619.436</b>
Công cụ dụng cụ	321.442.004	364.289.760
Chi phí sửa chữa	1.435.172.535	1.255.329.676
<b>Cộng</b>	<b>1.915.641.740</b>	<b>2.033.982.687</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Chi tiết phụ lục 1)**

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết phụ lục 2)**

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Cơ sở hạ tầng	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	<b>8.510.563.390</b>	<b>8.510.563.390</b>
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(8.510.563.390)	(8.510.563.390)
Tại ngày 31/12/2021	-	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	<b>5.122.557.875</b>	<b>5.122.557.875</b>
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(5.122.557.875)	(5.122.557.875)
Tại ngày 31/12/2021	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2021	<b>3.388.005.515</b>	<b>3.388.005.515</b>
Tại ngày 31/12/2021	-	-

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**16. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Xây dựng văn phòng Chi nhánh Bình Phước	75.130.774	-
Cải tạo nhà xưởng Chi nhánh Bình Phước	68.426.736	-
	<b>143.557.510</b>	<b>-</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán</b>	<b>23.591.111.142</b>	<b>23.591.111.142</b>	<b>33.123.573.785</b>	<b>33.123.573.785</b>
Công ty TNHH Phi Khang	3.763.369.940	3.763.369.940	3.170.772.000	3.170.772.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Triển Đạt	2.230.365.610	2.230.365.610	1.879.988.440	1.879.988.440
Công ty TNHH Phú Thiên Hương	-	-	68.094.466	68.094.466
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhựa xốp Tấn Đạt	305.545.491	305.545.491	245.698.207	245.698.207
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Châu	219.053.450	219.053.450	350.817.500	350.817.500
Công ty TNHH MTV Liên Khanh	-	-	564.551.680	564.551.680
Công ty TNHH MTV Gỗ Tân Vĩnh Phát	384.155.606	384.155.606	2.038.729.550	2.038.729.550
Công ty TNHH - MTV - Xuân Phát Đạt	640.981.660	640.981.660	380.122.710	380.122.710
Công ty TNHH DV TM Nguyễn Thái Dương	-	-	3.129.590.970	3.129.590.970
Phải trả các đối tượng khác	16.047.639.385	16.047.639.385	21.295.208.262	21.295.208.262
	<b>23.591.111.142</b>	<b>23.591.111.142</b>	<b>33.123.573.785</b>	<b>33.123.573.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Người mua trả trước</b>	<b>40.900.850.291</b>	<b>19.495.740.372</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Chế Biến Gỗ Thiên Phú	16.314.729.000	-
Ikea Handels AG	986.204.286	1.003.410.589
Công ty cổ phần SX DV & TM Phúc Thịnh	5.921.687.820	-
Công Ty TNHH Ngọc Giàu	-	6.482.630.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Nguyễn Thái Dương	7.749.196.032	11.325.070.550
Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại An Tiên	5.996.494.000	-
Các đối tượng khác	3.932.539.153	684.629.233
	<b>40.900.850.291</b>	<b>19.495.740.372</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>428.306.406</b>	<b>453.261.158</b>
Chi phí xuất khẩu	110.493.000	55.215.750
Chi phí độc hại	134.475.542	155.385.733
Chi phí lãi vay	110.610.591	159.702.912
Chi phí phải trả khác	72.727.273	82.956.763
	<b>428.306.406</b>	<b>453.261.158</b>

**20. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ xử lý	6.101.368	17.294.955
Kinh phí công đoàn	75.271.656	76.542.712
Bảo hiểm y tế	69.488.280	16.697.442
Phải trả cổ tức các cổ đông từ năm 2006 đến năm 2019	185.298.000	185.298.000
Phải trả cổ tức cho các cá nhân góp vốn đầu tư vào công ty CP Đầu tư Phú Thịnh	59.774.069	59.774.069
Phải trả thù lao HĐQT	59.100.000	47.400.000
Ứng hộ đồng bào bão lụt	5.931.577	5.931.577
Phải trả tiền ký cược, ký quỹ	-	240.000.000
Bảo hành tài sản	18.133.500	92.632.013
Phải trả, phải nộp khác	283.960.768	114.167.398
<b>Cộng</b>	<b>763.059.218</b>	<b>855.738.166</b>

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH ( Chi tiết phụ lục 03)****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Chi tiết phụ lục số 04)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	98.300.000.000	95%	98.300.000.000	95%
Cổ phiếu quỹ	5.700.000.000	5%	5.700.000.000	5%
	<b>104.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	104.000.000.000	104.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	104.000.000.000	104.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11.796.000.000	11.796.000.000

Cổ tức được chia theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQHĐQT-TAC ngày 5 tháng 05 năm 2021. Chi trả cổ tức năm 2020 bằng 12%/ mệnh giá.

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.400.000	10.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	570.000	570.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.830.000	9.830.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/cổ phiếu)		

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngoại tệ các loại:		
- Đồng Dollar Mỹ	284.708,71	1.193.898,75
- Đồng EUR	1,85	1,85

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**23. DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	510.121.937.122	566.796.974.948
- <i>Doanh thu bán hàng xuất khẩu</i>	364.398.142.652	309.945.404.488
- <i>Doanh thu bán hàng nội địa</i>	145.723.794.470	256.851.570.460
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	720.000.000	1.440.000.000
	<b>510.841.937.122</b>	<b>568.236.974.948</b>

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	510.841.937.122	568.236.974.948
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần về xuất khẩu</i>	364.398.142.652	309.945.404.488
- <i>Doanh thu thuần về bán nội địa</i>	145.723.794.470	256.851.570.460
Doanh thu thuần về kinh doanh bất động sản đầu tư	720.000.000	1.440.000.000
	<b>510.841.937.122</b>	<b>568.236.974.948</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	471.677.981.341	524.762.308.812
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	270.504.342	576.000.000
	<b>471.948.485.683</b>	<b>525.338.308.812</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	20.141.221.026	21.698.965.249
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	828.641.968	419.842.528
Lãi chênh lệch tỷ giá vay ngoại tệ	320.837.004	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	19.825.903	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	71.536.000	90.472.000
	<b>21.382.061.901</b>	<b>22.209.279.777</b>

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	240.062.628	64.153.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá vay ngoại tệ	28.977.811	-
Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	93.659.850	-
Trả tiền lãi vay	11.036.202.713	12.872.871.270
Chi phí tài chính khác	52.138.157	42.267.750
	<b>11.451.041.159</b>	<b>12.979.292.905</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>19.365.371.016</b>	<b>19.256.196.245</b>
Chi phí nhân viên quản lý	15.259.807.575	13.977.442.147
Chi phí phân bổ	368.482.329	546.571.072
Thù lao HĐQT	258.000.000	264.000.000
Các khoản trợ cấp	33.580.950	461.102.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	363.628.485	345.684.084
Chi phí thuế phí, lệ phí	108.126.617	96.794.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.556.004.114	2.331.198.817
Chi phí quản lý khác	1.417.740.946	1.233.403.319
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>9.979.351.947</b>	<b>9.947.754.765</b>
Cước vận chuyển	3.574.052.977	3.155.614.093
Chi phí kiểm định, khử trùng	353.150.001	659.689.090
Chi phí nâng hạ cont	1.067.473.751	1.031.396.773
Chi phí xuất khẩu (B/L; THC; Seal)	4.727.918.380	4.043.647.451
Chi phí bán hàng khác	256.756.838	1.057.407.358

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản thu khác liên quan đến cho thuê mặt bằng	401.330.682	911.979.027
Xử lý thừa khi kiểm kê	17.294.955	8.721.170
Thu nhập khác	200.581.121	24.982.390
	<b>619.206.758</b>	<b>945.682.587</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí liên quan đến cho thuê mặt bằng	401.330.682	912.494.101
Chi phí xử lý tài sản thiếu do kiểm kê	1.601.402	598.531
Chi phí khác	32.490.914	-
	<b>435.422.998</b>	<b>913.092.632</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>1. Hoạt động sản xuất, buôn bán và khai thác gỗ &amp; các sản phẩm từ gỗ</b>		
<i>Lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh chính</i>	19.214.037.320	22.093.291.953
<i>Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế</i>	355.070.706	280.885.935
- <i>Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	351.540.047	264.000.000
- <i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	3.530.659	16.885.935
- <i>Tài trợ chương trình hội nghị thủ tướng với DN</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	71.536.000	90.472.000
Lợi nhuận tính thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	19.497.572.026	22.283.705.888
Thuế suất của hoạt động sản xuất kinh doanh	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	3.899.514.405	4.456.741.178
<b>2. Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư</b>		
Lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	449.495.658	864.000.000
Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	449.495.658	864.000.000
Thuế suất của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	89.899.132	172.800.000
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>3.989.413.537</b>	<b>4.629.541.178</b>

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.674.119.441	18.327.750.775
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15.674.119.441</b>	<b>18.327.750.775</b>

**Cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.830.000	9.830.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.595</b>	<b>1.864</b>



**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.384.634.188	353.820.815.297
Chi phí nhân công	98.857.214.500	88.909.538.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.182.671.139	8.030.555.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.365.598.760	11.863.919.552
Chi phí khác bằng tiền	60.497.579.961	66.224.990.488
	<b>525.287.698.548</b>	<b>528.849.818.707</b>

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay) trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/ các cổ đông/ Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

**Quản lý rủi ro vốn**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay	213.583.732.962	265.072.287.213
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(19.282.838.309)	(47.083.494.191)
Nợ thuần	194.300.894.653	217.988.793.022
Vốn chủ sở hữu	167.383.346.108	169.291.977.442
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>1,16</b>	<b>1,29</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, được trình bày tại Thuyết minh số 3.2

**Các loại công cụ tài chính**

(Giá trị ghi sổ = Giá gốc - các khoản dự phòng)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.282.838.309	47.083.494.191
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.035.122.774	34.988.286.749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277.100.000.000	325.800.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>333.417.961.083</b>	<b>409.871.780.940</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay, nợ	213.583.732.962	265.072.287.213
Phải trả người bán và phải trả khác	24.203.309.056	33.862.845.265
Chi phí phải trả	428.306.406	453.261.158
	<b>238.215.348.424</b>	<b>299.388.393.636</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này. [hoặc: Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi

tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.282.838.309	-	19.282.838.309
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.035.122.774	-	35.035.122.774
Đầu tư tài chính	277.100.000.000	2.000.000.000	279.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>331.417.961.083</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>333.417.961.083</b>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>			
Các khoản vay	213.583.732.962	-	213.583.732.962
Phải trả người bán và phải trả khác	24.203.309.056	-	24.203.309.056
Chi phí phải trả	428.306.406	-	428.306.406
<b>Cộng</b>	<b>238.215.348.424</b>	<b>-</b>	<b>238.215.348.424</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>93.202.612.659</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>95.202.612.659</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.083.494.191	-	47.083.494.191
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.988.286.749	-	34.988.286.749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	325.800.000.000	-	325.800.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>407.871.780.940</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>409.871.780.940</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>			
Các khoản vay	265.072.287.213	-	265.072.287.213
Phải trả người bán và phải trả khác	33.862.845.265	-	33.862.845.265
Chi phí phải trả	453.261.158	-	453.261.158
<b>Cộng</b>	<b>299.388.393.636</b>	<b>-</b>	<b>299.388.393.636</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>108.483.387.304</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>110.483.387.304</b>

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Phú Riềng  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Tân Biên  
 Công ty TNHH MTV Cao Su Chư Sê  
 Tạp chí Cao su  
 Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh  
 Viện nghiên cứu cao su Việt Nam  
 Trung tâm y tế Cao su

**Mối quan hệ**

Tập Đoàn  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam  
 Công ty thành viên Tập đoàn Cao su Việt Nam



**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ từ các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai	13.514.022.790	11.409.859.186
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	20.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng	5.572.530.700	6.623.539.000
Công ty TNHH MTV Cao Su Phú Riềng	21.694.782.120	46.703.333.000
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	17.164.948.000	33.825.136.000
Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	7.938.232.156	-
Tạp chí Cao su	88.864.500	149.844.000
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	799.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	-	7.574.394.410
Trung tâm y tế Cao su	260.540.000	57.385.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	26.865.414.964	17.737.563.179
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam		5.500.000.000
	<b>93.918.335.230</b>	<b>124.081.053.775</b>

**Số dư các bên liên quan**

**Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ký quỹ mua cao su thanh lý Công ty TNHH MTV Cao su Phú riềng	1.440.024.000	2.032.018.420
Ký quỹ mua cao su thanh lý Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai	481.615.787	740.709.910
Ký quỹ mua cao su thanh lý Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng	1.051.008.300	-
Ký quỹ mua cao su thanh lý Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	5.996.494.000	1.926.719.000
Ký quỹ mua cao su thanh lý Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	-	550.000.000
Ký quỹ mua cao su thanh lý Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Phú	799.000.000	-
	<b>9.768.142.087</b>	<b>5.249.447.330</b>

**Trả trước người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	1.538.987.000	-
	<b>1.538.987.000</b>	<b>-</b>

**36. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2021			
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao	Hưởng Thưởng thành tích	Hưởng Phúc
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		-	<b>240.000.000</b>	<b>114.000.000</b>	-
1	Trần Thị Kim Thanh	Chủ tịch		60.000.000	39.000.000	
2	Lê Thị Xuyên	Thành viên; Tổng Giám đốc		36.000.000	39.000.000	
3	Chu Thị Mai	Thành viên		36.000.000	6.000.000	
4	Trịnh Xuân Tiến	Thành viên		36.000.000	10.000.000	
5	Bùi Đức Vinh	Thành viên		36.000.000	10.000.000	
6	Phan Huy Thành	Thư ký HĐQT		36.000.000	10.000.000	
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>226.346.088</b>	<b>48.000.000</b>	<b>26.000.000</b>	<b>6.284.000</b>
1	Đặng Thị Dung	Trưởng BKS	226.346.088		14.000.000	6.284.000
2	Đình Thanh Toàn	Thành viên		24.000.000	6.000.000	
3	Lê Tiến Luận	Thành viên		24.000.000	6.000.000	
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		<b>942.944.558</b>	-	<b>48.000.000</b>	<b>23.637.000</b>
1	Lê Thị Xuyên	Tổng Giám đốc	386.521.201			8.314.000
2	Phan Huy Tâm	Phó Tổng giám đốc	300.456.806		29.000.000	7.357.000
3	Nguyễn Thu Hương	Kế toán trưởng	255.966.551		19.000.000	7.966.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.169.290.646</b>	<b>288.000.000</b>	<b>188.000.000</b>	<b>29.921.000</b>

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Trong năm 2021 Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ. Bên cạnh đó, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (Công ty có duy nhất đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Bình Phước tại Tỉnh Bình Phước). Do vậy, căn cứ theo các nội dung quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 nêu trên, Công ty không phải trình bày thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2021		Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2021	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế GTGT	-	55.249.673	-	-	-	-
- Thuế GTGT đầu ra	-	55.249.673	33.594.758.183	33.650.007.856	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.220.717.160	3.989.413.537	3.823.419.675	-	1.386.711.022
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.920.284	338.375.160	309.999.682	-	46.295.762
- Thuế thu nhập cá nhân tại Văn phòng Thuận An	-	1.300.000	315.274.889	296.476.815	-	20.098.074
- Thuế thu nhập cá nhân tại Chi nhánh Bình Phước	-	16.620.284	23.100.271	13.522.867	-	26.197.688
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	210.510.220	210.510.220	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>1.293.887.117</b>	<b>38.475.432.260</b>	<b>38.307.937.115</b>	-	<b>1.433.006.784</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**PHỤ LỤC 02: BẢNG BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		TSCĐ khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Tại ngày 01/01/2021	68.262.749.912	76.403.295.029	22.292.325.452	2.405.264.491	78.061.729	169.441.696.613						
Mua trong năm	-	448.890.909	1.251.701.364	-	-	1.700.592.273						
Chuyển từ bất động sản đầu tư	8.510.563.390	-	-	-	-	8.510.563.390						
Tại ngày 31/12/2021	76.773.313.302	76.852.185.938	23.544.026.816	2.405.264.491	78.061.729	179.652.852.276						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Tại ngày 01/01/2021	52.427.846.881	61.709.127.229	18.910.857.307	1.506.287.875	78.061.729	134.632.181.021						
Khấu hao trong năm	2.494.895.786	3.554.542.665	871.086.237	262.146.451	-	7.182.671.139						
Chuyển từ bất động sản đầu tư	5.122.557.875	-	-	-	-	5.122.557.875						
Tại ngày 31/12/2021	60.045.300.542	65.263.669.894	19.781.943.544	1.768.434.326	78.061.729	146.937.410.035						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Tại ngày 01/01/2021	15.834.903.031	14.694.167.800	3.381.468.145	898.976.616	-	34.809.515.592						
Tại ngày 31/12/2021	16.728.012.760	11.588.516.044	3.762.083.272	636.830.165	-	32.715.442.241						

- Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 01/01/2021 88.019.380.740 VND.

- Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2021: 99.499.887.329 VND.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(1) Ngày 02/12/2021 Công ty Cổ phần Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 210019 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với tổng hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất theo kế hoạch kinh doanh các sản phẩm từ gỗ. Thời hạn cấp hạn mức kể từ khi ký hợp đồng đến 02/12/2022. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân và được ghi trên giấy nhận nợ; lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh một (01) tháng một lần. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay. Biện pháp đảm bảo: công ty sử dụng các hợp đồng cầm có giấy tờ có giá đã ký với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này.

### (2) Bao gồm 2 hợp đồng vay:

Ngày 15/1/2020 Công ty Cổ phần Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 004B20 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 280.000.000.000 đồng, bao gồm cả dư nợ vay theo hạn mức số 093B18 ký ngày 27/1/2018 tính đến thời điểm ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất theo kế hoạch kinh doanh không bao gồm nhu cầu ngắn hạn đầu tư Tài sản cố định. Thời hạn cấp hạn mức kể từ khi ký hợp đồng đến 15/1/2021. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân và được ghi trên giấy nhận nợ; lãi suất các khoản là lãi suất ưu đãi ngắn hạn 5% và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 25 hàng tháng, đơn vị thanh toán lãi trong 6 ngày kể từ ngày tiếp theo kên phiếu tính lãi. Biện pháp đảm bảo: khi bên vay có nhu cầu sử dụng hạn mức theo hợp đồng tín dụng này thì cần bổ sung đầy đủ theo đúng quy định của bên cho vay.

Ngày 03/02/2021 Công ty Cổ phần Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 015B21 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với tổng hạn mức tín dụng là 280.000.000.000 đồng, bao gồm cả dư nợ vay theo hạn mức số 004B20 ký ngày 15/01/2020 tính đến thời điểm ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ sản xuất theo kế hoạch kinh doanh không bao gồm nhu cầu ngắn hạn đầu tư Tài sản cố định. Thời hạn cấp hạn mức kể từ khi ký hợp đồng đến 02/02/2022. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ; lãi suất các khoản là lãi suất ưu đãi ngắn hạn 4,5% và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 25 hàng tháng, đơn vị thanh toán lãi trong 6 ngày kể từ ngày tiếp theo trên phiếu tính lãi. Biện pháp đảm bảo: công ty sử dụng các hợp đồng cầm có tài sản đã ký với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này.

**(3) Bao gồm 3 hợp đồng vay:**

Ngày 17/09/2019 Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 02/2019/83515/HĐTĐ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dĩ An-Bình Dương với tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/83515/HĐTĐ ngày 04/05/2019 chuyển sang. Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ cao su và các loại gỗ khác. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 31/08/2020. Thời hạn cho vay, thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất các khoản được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, lãi được thanh toán vào ngày 28 hàng tháng. Tài sản đảm bảo: khi bên vay có nhu cầu sử dụng hạn mức theo hợp đồng tín dụng này thì cần bổ sung đầy đủ theo đúng quy định của bên cho vay

Ngày 30/9/2020 Công ty Cổ phần Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2020/83515/HĐTĐ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng với thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 15/9/2020 với mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ cao su và các loại gỗ khác. Lãi suất các khoản được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, lãi được thanh toán vào ngày 28 hàng tháng. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng bảo đảm được giao kết trước, cùng và sau ngày của hợp đồng vay này

Ngày 24/11/2021 Công ty Cổ phần Gỗ Thuận An ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2021/83515 với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng, bao gồm cả dư nợ vay theo hạn mức số 01/2020/83515 ký ngày 30/09/2020. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn cho vay/bảo lãnh/L/C, lãi suất được xác theo từng hợp đồng cụ thể. Biện pháp đảm bảo: công ty sử dụng các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ đã ký với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này.

**PHỤ LỤC 04: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

MP AI Q 4 Y / 2/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(6.735.335.885)</b>	<b>10.985.815.274</b>	<b>18.293.681.951</b>	<b>168.526.161.340</b>
Lợi nhuận trong năm					18.327.750.775	18.327.750.775
Chia cổ tức					(11.796.000.000)	(11.796.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(5.517.934.673)	(5.517.934.673)
Trích quỹ đầu tư phát triển				731.747.278	(731.747.278)	-
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành					(248.000.000)	(248.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(6.735.335.885)</b>	<b>11.717.562.552</b>	<b>18.327.750.775</b>	<b>169.291.977.442</b>
Lợi nhuận trong năm					15.674.119.441	15.674.119.441
Chia cổ tức					(11.796.000.000)	(11.796.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(5.598.750.775)	(5.598.750.775)
Trích quỹ đầu tư phát triển				745.000.000	(745.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành					(188.000.000)	(188.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(6.735.335.885)</b>	<b>12.462.562.552</b>	<b>15.674.119.441</b>	<b>167.383.346.108</b>

Căn cứ theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQĐHCHĐ-TAC ngày 18 tháng 03 năm 2021, Lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối như sau:

- Chi trả cổ tức cho cổ đông (12%/mệnh giá): 11.796 triệu đồng
- Trích quỹ phát triển sản xuất (4,06% lợi nhuận sau thuế): 745 triệu đồng
- Trích quỹ khen thưởng (22,36% lợi nhuận sau thuế): 4.098 triệu đồng
- Trích quỹ phúc lợi (8,18% lợi nhuận sau thuế): 1.500 triệu đồng
- Trích quỹ thưởng ban điều hành hoàn thành KH (1,03%LNST): 188 triệu đồng